

BÀN VỀ THẨM QUYỀN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN

TRẦN XUÂN THIÊN AN*

Thẩm quyền xét xử của Tòa án đã được quy định rất rõ tại Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn gặp một số khó khăn khi xác định vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp nào. Bài viết phân tích những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền xét xử của Tòa án và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật hình sự.

Từ khóa: Thẩm quyền xét xử, Tòa án cấp tỉnh, Tòa án cấp huyện.

Ngày nhận bài: 01/11/2021; Biên tập xong: 17/11/2021; Duyệt đăng: 05/12/2021

The jurisdiction of the Court is very clearly defined in Article 268 of the 2015 Criminal Procedure Code. However, in the process of applying, the procedure agencies still face some difficulties when determine which court's jurisdiction the case falls into. The article analyzes the regulations of the Criminal Procedure Code on the jurisdiction of the Court and makes some recommendations to improve the regulations of the criminal law.

Keywords: The jurisdiction, provincial Court, district Court.

1. Những điểm mới của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về thẩm quyền xét xử của Tòa án

Thẩm quyền xét xử của Tòa án được quy định tại Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sau đây gọi tắt là BLTTHS năm 2015) quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo sự việc (Chương XXI - BLTTHS 2015). So với quy định tại Điều 170 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 (sau đây gọi tắt là BLTTHS năm 2003) thì Thẩm quyền xét xử của Tòa án quy định tại Điều 268 BLTTHS năm 2015 có một số điểm mới như sau:

Thứ nhất, tên điều luật đã được thay đổi từ *Thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp* (BLTTHS năm 2003) thành *Thẩm quyền xét xử của Tòa án* (BLTTHS năm 2015)¹.

Thứ hai, để tương ứng với các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015), tên các điều luật tại khoản 1 điểm c cũng đã được thay đổi, cụ thể thay đổi “*Các tội quy định tại các điều 93, 95, 96, 172, 216,*

217, 218, 219, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 263, 293, 294, 295, 296, 322 và 323 của Bộ luật Hình sự” thành “*Các tội quy định tại các điều 123, 125, 126, 227, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 286, 287, 288, 337, 368, 369, 370, 371, 399 và 400 của Bộ luật Hình sự*”².

Thứ ba, bên cạnh những quy định như trong BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 bổ sung trường hợp không thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân (TAND) cấp huyện và Tòa án quân sự (TAQS) khu vực, đó là: “*Các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”³.

Thứ tư, về thẩm quyền xét xử sơ thẩm của TAND cấp tỉnh và TAQS quân khu, BLTTHS năm 2015 đã cụ thể hóa các quy định tại khoản 2 Điều 170 BLTTHS năm 2003 như sau: Thay đổi “*Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án quân sự cấp quân khu xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về những tội*

¹ Xem: Điều 170 BLTTHS năm 2003, Điều 268 BLTTHS năm 2015

* *Thạc sĩ, Khoa kiểm sát Hình sự, Trường Đào tạo bồi dưỡng Nghiệp vụ kiểm sát tại thành phố Hồ Chí Minh*

² Xem điểm c khoản 1 Điều 170 BLTTHS năm 2003, điểm c khoản 1 Điều 268 BLTTHS năm 2015

³ Xem điểm c khoản 1 Điều 268 BLTTHS năm 2015

phạm không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp dưới mà mình lấy lên để xét xử” thành “Vụ án hình sự có bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài; Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực nhưng có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; vụ án mà bị cáo là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc ít người”⁴. Việc bổ sung quy định về hai trường hợp nêu trên thực chất là cụ thể hoá quy định “những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp dưới mà mình lấy lên để xét xử” trong BLTTHS năm 2003 nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất trong thực tiễn.

2. Những bất cập, vướng mắc trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền xét xử của Tòa án

Mặc dù Thẩm quyền xét xử của Tòa án quy định tại Điều 268 BLTTHS năm 2015 có những điểm mới tiến bộ nhất định hơn so với quy định về Thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp quy định tại Điều 170 BLTTHS năm 2003, tuy nhiên thông qua quy định tại Điều 268 BLTTHS năm 2015 cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật, tác giả nhận thấy quy định tại Điều 268 BLTTHS năm 2015 về Thẩm quyền xét xử của Tòa án còn tồn tại một số hạn chế cần được tiếp tục hoàn thiện. Cụ thể:

2.1. Vướng mắc trong việc áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực

Tại khoản 1 Điều 268 BLTTHS năm 2015 quy định TAND cấp huyện và TAQS khu vực có thẩm quyền xét xử sơ thẩm

những vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm được quy định tại điểm a, b, c, d của Điều luật⁵. Trong đó có quy định TAND cấp huyện và TAQS khu vực không được xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự mà: “Các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”⁶, tuy nhiên tội phạm như thế nào để được coi là được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Việt Nam thì BLTTHS năm 2015 không quy định và đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn về vấn đề này.

Áp dụng tương tự pháp luật, tại Điều 6 BLHS năm 2015 có quy định hành vi phạm tội xảy ra ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam, theo đó có hai trường hợp là⁷:

(i) Công dân Việt Nam hoặc pháp nhân thương mại Việt Nam phạm tội ở nước ngoài.

(ii) Người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài: Chỉ khi hành vi phạm tội xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam hoặc xâm hại lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì mới có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS năm 2015.

Như vậy, áp dụng tương tự pháp luật tại Điều 6 BLHS năm 2015 đã xác định thế nào được coi là “tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước” Việt Nam. Tuy nhiên, đối với cả hai trường hợp đã được quy định tại Điều 6 BLHS năm 2015 các nhà làm luật dùng cụm từ “có thể” trước khi xác định hành vi phạm tội đó có thuộc thẩm quyền

⁴ Xem khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015

⁵ Xem: Khoản 1 Điều 268 BLTTHS năm 2015

⁶ Xem: Điểm d khoản 1 Điều 268 BLTTHS năm 2015

⁷ Xem: Điều 6 BLHS năm 2015

của Việt Nam hay không. Cụm từ “có thể” được dùng ở đây là chỉ về một Điều luật tùy nghi “*có cũng được mà không có cũng được*”, nghĩa là không xác định rõ tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Việt Nam thì “*khi nào thuộc thẩm quyền xét xử của Việt Nam, khi nào không thuộc thẩm quyền xét xử của Việt Nam*”.

Chính vì thế, hiểu như thế nào cho đúng về “*Các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” thì không thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện và TAQS khu vực được quy định tại khoản 1 Điều 268 BLTTHS năm 2015 đang là vấn đề gây tranh cãi. Để cho việc áp dụng pháp luật được thống nhất, tác giả kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về tình tiết “*Các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” tại khoản 1 Điều 268 BLTTHS năm 2015.

2.2. Vương mắc trong việc áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án quân sự cấp quân khu

Để phù hợp với thực tiễn và trên cơ sở pháp điển hóa các văn bản hướng dẫn, khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm của TAND cấp tỉnh và TAQS quân khu, tuy nhiên vì là quy định mới nên một số quy định tại khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015 khi áp dụng vào thực tiễn đã gặp một số khó khăn nhất định. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, tại điểm b khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015 quy định: “*Vụ án hình sự có bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài*”.

Vậy hiểu thế nào là yếu tố “*ở nước ngoài*”, đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

Trước đây, theo hướng dẫn tại mục 23 phần II Công văn số 81/2002/TANDTC

ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ thì thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quốc tịch của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi hoặc nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự, cụ thể: “*Trong vụ án có bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi hoặc nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự là người nước ngoài hoặc tổ chức nước ngoài, thì căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hiện hành là thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh*”.

Tại khoản 1 Điều 3 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 quy định về quốc tịch như sau: “*Quốc tịch nước ngoài là quốc tịch của một nước khác không phải là quốc tịch Việt Nam*”; khoản 1 Điều 3 Luật xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019 quy định: “*...Người nước ngoài là người mang giấy tờ xác định quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam...*”⁸.

Tuy nhiên, các quy định trên hướng dẫn về tình tiết “*là người nước ngoài*”, và không phải là hướng dẫn về tình tiết “*ở nước ngoài*” do đó không phù hợp với quy định của BLTTHS năm 2015. Chính vì những bất cập trên, tác giả kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn về tình tiết “*ở nước ngoài*” để xác định rõ thẩm quyền xét xử sơ thẩm của TAND cấp tỉnh và TAQS quân khu, đặc biệt là trong thời đại hội nhập quốc tế hiện nay.

Trong thời gian chờ văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về tình tiết “*ở nước ngoài*”, tác giả áp dụng tinh thần của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015⁹ và Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa

⁸ Hồ Quân, Một số vấn đề về thẩm quyền xét xử quy định tại điểm b khoản 2 Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

⁹ Xem: Điều 35, 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự có hướng dẫn về yếu tố “ở nước ngoài” tại Điều 7 Nghị quyết đề giải thích cho trường hợp “ở nước ngoài” của BLTTHS năm 2015 như sau:

Vấn đề thứ nhất: Tình tiết “ở nước ngoài” trong quy định “bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài” có thể được hiểu bao gồm các trường hợp sau đây¹⁰:

- Bị cáo, bị hại, đương sự là người nước ngoài không định cư, làm ăn, học tập, công tác ở Việt Nam có mặt hoặc không có mặt tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ án;

- Bị cáo, bị hại, đương sự là công dân Việt Nam định cư, làm ăn, học tập, công tác ở nước ngoài không có mặt tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ án;

- Bị cáo, bị hại, đương sự là người nước ngoài định cư, làm ăn, học tập, công tác ở Việt Nam nhưng không có mặt tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ án;

- Bị cáo, bị hại, đương sự là công dân Việt Nam định cư, làm ăn, học tập, công tác ở Việt Nam nhưng không có mặt tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ án.

- Bị cáo, bị hại, đương sự là pháp nhân thương mại không phân biệt là pháp nhân thương mại nước ngoài hay pháp nhân thương mại Việt Nam mà không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ án.

Vấn đề thứ hai: Về tình tiết “ở nước ngoài” trong quy định “Tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài” có thể được hiểu là tài sản được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 ở ngoài biên giới lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội

chủ nghĩa Việt Nam tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, có thể được hiểu bao gồm các trường hợp sau đây:

- Một là, khi kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm hoặc điều tra, truy tố, xét xử đối với vụ án hình sự mà có căn cứ xác định người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ án, vụ việc ở nước ngoài thì TAND cấp tỉnh và TAQS quân khu có thẩm quyền giải quyết.

- Hai là, trong quá trình giải quyết vụ án, vụ việc nếu có căn cứ xác định người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, bị hại, đương sự không còn ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ việc, vụ án không còn ở nước ngoài thì TAND cấp tỉnh và TAQS quân khu tiếp tục giải quyết vụ việc, vụ án.

- Ba là, trường hợp vụ án, vụ việc không thuộc trường hợp có liên quan đến nước ngoài thì áp dụng tình tiết “có yếu tố nước ngoài” quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 163 BLTTHS 2015 sẽ do Cơ quan điều tra cấp tỉnh trực tiếp thụ lý nếu xét thấy cần thiết. Việc xét thấy cần thiết hay không do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát tỉnh xem xét quyết định. Tòa án nhân dân cấp tỉnh sẽ có thẩm quyền xét xử theo thủ tục chung.

Thứ hai, vướng mắc trong việc áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015, điểm c điều luật quy định như sau: “Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực nhưng có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; vụ án mà bị cáo là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung

¹⁰ Công văn số 110/VKSND tỉnh Sóc Trăng ngày 22/02/2021

ương, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc ít người". Theo quy định này, trong quá trình áp dụng, Tòa án các cấp gặp một số vướng mắc sau đây:

Một là, tại điểm c khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015 quy định TAND cấp tỉnh và TAQS quân khu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện và TAQS khu vực: *"Nhưng có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành"*. Quy định này đã phát sinh những tranh cãi như sau:

- Việc xác định vụ án *"có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án"* là mang tính định tính. Thực tế ở một đơn vị cấp huyện hàng năm đều có khá nhiều vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, nhiều quan điểm chưa thống nhất về tính chất vụ án và phải trình thị lên cấp trên hoặc tổ chức họp liên ngành. Như vậy, những vụ án phải xin ý kiến thị của cấp trên hoặc tổ chức họp liên ngành thì có được coi là những vụ án *"có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án"* hay không.

- Việc xác định vụ án *"liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành"* cũng khá phức tạp. Hiểu như thế nào cho đúng về *"nhiều cấp, nhiều ngành"*, nhiều cấp là từ hai (02) cấp trở lên và nhiều ngành là từ hai (02) ngành trở lên, hay vụ án liên quan 01 cấp và 01 ngành thì được coi là *"nhiều cấp, nhiều ngành"*, ví dụ trong vụ án kinh tế, chức vụ thường liên quan đến cấp xã và các phòng ban ở cấp huyện thì vụ án này có được coi là liên quan đến *"nhiều cấp, nhiều ngành"* và thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của TAND cấp tỉnh và TAQS quân khu hay không.

Hai là, tại điểm c khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015 quy định TAND cấp tỉnh và TAQS quân khu xét xử sơ thẩm vụ án: *"Mà bị cáo là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện..."* cũng cần được hướng dẫn rõ

trong trường hợp bị cáo *"đã từng"* là cán bộ chủ chốt cấp huyện trở lên hoặc *"đã từng"* là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên thì vụ án có thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh và TAQS quân khu hay không. Bên cạnh đó, hiểu như thế nào về *"cán bộ lãnh đạo chủ chốt"* cũng chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tại Công văn số 5024/VKSTC-V14 ngày 19/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giải đáp vướng mắc liên quan đến quy định của BLTTHS và nghiệp vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự xác định: *"Hiện nay không có văn bản chuyên ngành nào hướng dẫn "lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương" gồm những ai. Tuy nhiên, tham khảo Quy định số 90-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ chính trị, Ban Bí thư quản lý thì lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương có thể gồm bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp huyện, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện. Theo Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương có thể gồm bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ huyện ủy, quận ủy và tương đương; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện."*

Như vậy, theo tinh thần của Công văn thì cán bộ chủ chốt *"có thể"* bao gồm *"bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp huyện, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; gồm bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ huyện ủy, quận ủy và tương đương; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện"*. Tuy nhiên, trong thực tiễn ngoài các chức danh nêu trên thì tại các địa

phương còn có một số cơ quan, ban ngành được xem là chủ chốt tại địa phương như Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường...

Đồng thời, Điều 268 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định thẩm quyền đối với bị cáo là *Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương*. Vậy thì, đối với bị cáo là *Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương* thì thuộc Thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp nào. Theo suy luận bắc cầu thì có thể hiểu, các bị cáo này cũng phải thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp tỉnh. Tuy nhiên, để làm được điều đó, cần sửa đổi BLTTHS hoặc ít nhất cũng cần ban hành hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Một số kiến nghị

Điều 268 BLTTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền xét xử của Tòa án là một trong những điều luật quan trọng trong việc thực thi pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như bảo vệ quyền con người, đảm bảo cho việc điều tra, truy tố, xét xử đúng đắn, vô tư, khách quan; đảm bảo cho Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Bên cạnh những quy định tích cực góp phần vào việc bảo vệ Nhà nước pháp quyền, bảo vệ quyền con người thì Điều 268 BLTTHS năm 2015 vẫn còn một số bất cập, hạn chế cần tiếp tục được hoàn thiện hoặc hướng dẫn thực hiện.

Vì vậy, tác giả có một số kiến nghị sau đây:

- Hướng dẫn thực hiện điểm b khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015 về quy định “*Vụ án hình sự có bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài*” theo tinh thần phân tích ở trên;

- Hướng dẫn vụ án liên quan đến một cấp và một ngành cũng có thể được

xác định là vụ án liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015;

- Hướng dẫn cụ thể thế nào là lãnh đạo chủ chốt ở địa phương. Đồng thời, cũng cần hướng dẫn không chỉ bị cáo là *Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương* theo quy định của khoản 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015, mà cả bị cáo là *Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương* cũng thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp tỉnh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
2. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;
3. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
4. Luật Quốc tịch năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;
5. Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ;
6. Công văn số 111/VKS Sóc Trăng ngày 22/2/2021 về việc hướng dẫn áp dụng tình tiết “ở nước ngoài” quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 268 BLTTHS năm 2015;
7. Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội Đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;
8. Hồ Quân, *Một số vấn đề về thẩm quyền xét xử quy định tại điểm b khoản 2 Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015*. Nguồn truy cập: lsvn.vn/mot-so-van-de-ve-tham-quyen-xet-xu-quy-dinh-tai-diem-b-khoan-2-dieu-268-bo-luat-to-tung-hinh-su-2015.html, truy cập ngày 15/9/2021;
9. Đặng Bá Hưng, *Vướng mắc trong xác định thẩm quyền của TAND cấp tỉnh*. Nguồn truy cập: <https://kiemsat.vn/vuong-mac-trong-xac-dinh-tham-quyen-cua-tand-cap-tinh-49943.html>, truy cập ngày 15/9/2021.